TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** TỈNH N	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2024
Về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Thu Hương
Bà Hoàng Thị Kim Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Trung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: "*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐST- DS ngày 06/02/2024, Thông báo tiếp tục phiên tòa số 01/TB_TA ngày 06/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1982.
- **Bị đơn**: anh Lê Thanh T, sinh năm 1982.

Đều có HKTT: số nhà 17, ngõ 101, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh N.

Đều có địa chỉ: số nhà 31, đường C, phố T, pH T, thành phố N, tỉnh N.

Tại phiên tòa: có mặt chị H, vắng mặt anh T mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Phan Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Lê Thanh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi hến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Ninh, Hà Trung, Thanh Hóa vào ngày 29/01/2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống thời gian.Từ năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cách sống, anh T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng tH

xuyên cãi chửi đánh nhau, chính quyền địa phương đã phải can thiệp. Chị đã nhiều lần phải làm đơn xin ly hôn rồi lại rút đơn về để mong anh T thay đổi cách sống nhưng anh T vẫn không thay đổi mà vẫn tH xuyên gây sự với chị và đánh đập chị nhiều lần. Gần đây nhất vào ngày mùng 6 tết âm lịch năm 2024, anh T đã có hành vi dùng dao đe dọa chị, chị đã phải nhờ Chính quyền địa phương đến can thiệp, sau đó mẹ con chị đã ra ngoài thuê nhà để ở. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng với anh T được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là: Cháu Lê Phước S sinh ngày 11/4/2009 và cháu Lê Thanh T1 sinh ngày 01/01/2011. Nguyện vọng của chị khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu. Chị yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đồng/tháng/cháu. Hiện nay chị đang làm công việc tự do, bán hàng quần áo ở chợ Sinh Viên, pH Phúc Thành, thu thập trung bình tháng khoảng 7 – 8 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị tự giải quyết.

Tài liệu chứng cứ chị H giao nộp: Đơn khởi kiện ngày 03/10/2023; 01giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01căn cước công dân của chị H và anh T (bản sao);01 Giấy khai sinh của cháu Lê Thanh T1 (bản sao); 01 Giấy khai sinh của cháu Lê Phước S (bản sao); 01 Đơn xin xác nhận nơi ở hiện tại (bản chính); 01 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N (bản chính); bản tự khai của chị H các ngày 09/10/2023; 26/12/2023, 05/02/2024, đơn trình bày nguyện vọng của cháu Lê Phước S và cháu Lê Thanh T1 ngày 12/12/2023.

Bị đơn - anh Lê Thanh T: Anh T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, có đến Tòa án theo như giấy triệu tập nhưng không có ý kiến trình bày bằng văn bản, sau đó anh lại bỏ về, không ký biên bản. Tại phiên tòa ngày 06/02/2024, anh T trình bày: Anh xác định anh và chị Phan Thị Thu H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Ninh, Hà Trung, Thanh Hóa vào ngày 29/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, anh đã nhiều lần bắt gặp chị H nhắn tin điện thoại cho bạn trai và nói là chồng vợ. Đến năm 2017 anh xem điện thoại của chị H có thấy tin nhắn của chị H với người đàn ông khác nội dung *"anh đến đón em nhé"* trong khi anh vắng nhà và chị H có nói là đi uống Cafe với bạn. Tháng 10/2019 anh có bắt gặp chị H trong nhà nghỉ đi cùng với người đàn ông tên Thắng có quen biết từ trước đây nên anh đã tát chị H. Đến năm 2022 anh lại bắt được chị H đi xe máy từ trong nhà nghỉ ra và chị H có nói đi giao bún đậu mắm tôm cho khách trong nhà nghỉ. Từ đó cho đến nay chị H không quan tâm gì đến anh, theo anh nghĩ chị H có mối quan hệ ngoại tình với người đàn ông

khác, vì vậy anh không tin tưởng chị H nữa. Giữa hai người đã nhiều lần sảy ra đánh chửi cãi nhau, chính quyền địa phương đã phải can thiệp. Anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là: Cháu Lê Phước S sinh ngày 11/4/2009 và cháu Lê Thanh T1 sinh ngày 01/01/2011. Nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 1 trong 2 cháu. Nếu cháu nào đồng ý ở với anh thì anh nuôi cháu đấy. Nếu 2 cháu đều muốn ở cùng với chị H và chị H yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/cháu/tháng thì anh cũng đồng ý. Về nghề nghiệp:Trước đây anh có bán quần áo còn hiện nay anh không bán nữa và cũng chưa tìm được công việc ổn định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị H có 01 nhà và đất ở địa chỉ số nhà 31, đường Cù Chính Lan, phố Tân Quý, pH Tân Thành, thành phố N, tỉnh N. Hiện nay đang có người trả giá nhà, đất là 4,8 tỷ đồng nhưng chị H không đồng ý bán. Anh đề nghị chị H thanh toán cho anh số tiền là 2,3 tỷ đồng. Anh đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để vợ chồng thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 06/02/2024, chị H đồng ý tạm ngừng phiên tòa. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QSST- DS ngày 06/02/2024 tạo điều kiện cho các đương sự thống nhất thỏa thuận về giải quyết vụ án.

Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, chị H và anh T không thống nhất được việc giải quyết vụ án, chị H có đơn đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa. Anh T đã nhận Thông báo tiếp tục phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa anh T vắng mặt, không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; Bị đơn không tham dự phiên tòa lần thứ nhất và lần này là chưa thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83; 84, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu H, xử cho chị Phan Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Thanh T. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Thu H chăm sóc, giáo dục cháu Lê Phước S sinh ngày 11/4/2009 và cháu Lê Thanh T1 sinh ngày 01/01/2011cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về phần

cấp dưỡng nuôi con, Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi cháu 1.000.000đồng /tháng. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, khi cần thiết cả hai có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về án phí ly hôn: chị Phan Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị Thu H và anh Lê Thanh T kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Ninh, Hà Trung, Thanh Hóa vào ngày 29/01/2008. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng tH xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cách sống, anh T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng tH xuyên đánh chửi nhau, tổ dân phố đã nhiều lần đến can thiệp nhắc nhở nhưng vẫn tiếp diễn. Chị H đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở. Đến nay chị H kiên quyết xin ly hôn, bản thân anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn khởi kiện xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung:* Chị Phan Thị Thu H và anh Lê Thanh T có 02 con chung là Lê Phước S sinh ngày 11/4/2009 và cháu Lê Thanh T1 sinh ngày 01/01/2011. Nguyện vọng của các cháu là đều muốn ở với mẹ. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Anh T cũng không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nên cần giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung là cần thiết, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Hiện nay nghề nghiệp của anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định, chị H có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng. Xét thấy mức cấp dưỡng nói trên là phù hợp với pháp luật nên cần buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 3/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị H, anh T được quyền xin thay đổi nuôi con và phần cấp dưỡng nuôi con.

[3].*Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào các đương sự tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện dân sự khác.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị H phải chịu án phí ly hôn, anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Thu H.

Xử cho chị Phan Thị Thu H được ly hôn anh Lê Thanh T. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Phước S sinh ngày 11/4/2009 và cháu Lê Thanh T1 sinh ngày 01/01/2011 cho chị Phan Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Lê Thanh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đồng (*một triệu đồng*) kể từ tháng 3/2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Phan Thị Thu H phải nộp 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001162 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Anh Lê Thanh T phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng).*

Án xử công khai sơ thẩm, chị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh N
- VKSND TP N
- Chi cục thi hành án Ds TP N
- UBND pH.
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T